

BÁO CÁO
CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH
ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

Thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa IX, kỳ họp thứ 6 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2018 và Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa IX, kỳ họp thứ 6 về phân bổ ngân sách địa phương năm 2018.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2970/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh như sau:

- Dự toán thu NSNN trên địa bàn6.907 tỷ đồng.
- + Thu nội địa 6.307 tỷ đồng.
- + Thu xuất nhập khẩu 600 tỷ đồng.
- Dự toán chi ngân sách địa phương (NSĐP)....8.445,5 tỷ đồng.
- + Chi cân đối NSĐP..... 7.190,1 tỷ đồng.
- + Chi Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ..... 1.255,4 tỷ đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình thực hiện NSNN 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2018 như sau:

I. VỀ THU NSNN

Tổng thu NSNN trên địa bàn 3.792,5 tỷ đồng, đạt 54,9% dự toán, tăng 5,5% so cùng kỳ, trong đó:

- Thu nội địa: thu nội địa: 3.552,5 tỷ đồng, đạt 56,3% dự toán, tăng 10,7% so cùng kỳ.

- Thu xuất nhập khẩu: 240 tỷ đồng, đạt 40% dự toán, giảm 38,1% so cùng kỳ.

II. VỀ CHI NSĐP

Tổng chi NSĐP: 3.684 tỷ đồng, đạt 43,6% dự toán, tăng 41,6% so cùng kỳ, trong đó:

- Chi cân đối NSDP: 3.144 tỷ đồng, đạt 43,7% dự toán, tăng 21,9% so cùng kỳ, trong đó:

+ Chi ĐTP: 1.015,9 tỷ đồng, đạt 46,7% dự toán, tăng 67,9% so cùng kỳ;

+ Chi thường xuyên: 2.127,1 tỷ đồng, đạt 44,4% dự toán, tăng 7,8% so cùng kỳ;

- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 540 tỷ đồng, đạt 43% dự toán.

III. CÂN ĐỐI THU, CHI NSDP

1. Tổng thu NSDP5.180,1 tỷ đồng.

- Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết..... 3.284,1 tỷ đồng.

- Thu bổ sung từ NSTW..... 1.224,2 tỷ đồng.

- Thu chuyển nguồn năm trước sang 671,8 tỷ đồng.

2. Tổng chi NSDP.....3.753,2 tỷ đồng.

- Chi cân đối NSDP 3.144 tỷ đồng.

- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ..... 540 tỷ đồng.

- Chi tạm ứng ngân sách 69,2 tỷ đồng.

3. Tồn quỹ NSDP (1-2).....1.426,8 tỷ đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

1. Kết quả đạt được

1.1. Về thu ngân sách

Công tác thu ngân sách được sự quan tâm chỉ đạo từ các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành tỉnh với các huyện, thành phố; công tác phối hợp, quản lý, khai thác nguồn thu đảm bảo theo tiến độ dự toán. Có 10/17 khoản thu đạt từ 50% trở lên so với dự toán, cụ thể như sau:

- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 56,7% so dự toán, tăng 38,8% so cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là do các doanh nghiệp có số nộp tăng cao hơn so với năm 2017 như: Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công tăng 119,7 tỷ đồng; Doanh nghiệp tư nhân Sầm Nhứt tăng 9,6 tỷ đồng; Công ty TNHH tinh bột sắn Bình Minh tăng 3,8 tỷ đồng; Công ty Cổ phần đầu tư Sài Gòn VRG tăng 18,5 tỷ đồng;

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 70,2% dự toán, tăng 43,4% cùng kỳ;

- Thu tiền sử dụng đất đạt 76,6% dự toán, tăng 46,3% cùng kỳ, nguyên nhân chủ yếu do: tăng thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất (từ đất lúa, đất trồng cây lâu năm sang đất ở, sản xuất kinh doanh), thu từ bán đấu giá quyền sử dụng đất (khu

đất bệnh viện cũ của huyện Tân Biên: 6 tỷ đồng, thu bán nền Bourbon An Hòa: 12,9 tỷ đồng),...;

- Thu tiền thuê đất đạt 71,9% dự toán, tăng 0,4% cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu do phát sinh số thu tăng từ một số doanh nghiệp như: Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa nộp 36,32 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Cao Su Tân Biên nộp 6,4 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Cao Su Tây Ninh nộp 11,22 tỷ đồng; Công ty TNHH MTV Cao Su 30-4 Tây Ninh nộp 4,5 tỷ đồng;

- Thuế thu nhập cá nhân đạt 54,2% dự toán, tăng 19,5% cùng kỳ;

- Thu phí và lệ phí đạt 51,2% dự toán, giảm 1,8% cùng kỳ;

- Thu khác ngân sách đạt 54,4% dự toán, tăng 24% cùng kỳ, chủ yếu do có phát sinh số thu hồi các khoản chi năm trước, thu tiền thanh lý tài sản qua thực hiện Bản án số 81;

- Các khoản thu tại xã đạt 60,5% dự toán, tăng 15,8% cùng kỳ;

- Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế đạt 107,3% dự toán, tăng 41,2% cùng kỳ. Nguyên nhân đạt cao do Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh nộp 5,2 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Đăng kiểm nộp 2,1 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Công trình đô thị Tây Ninh nộp 0,2 tỷ đồng;

- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 70,3% dự toán, giảm 1,8% so cùng kỳ (kể cả số thu của Công ty TNHH MTV Xổ số điện toán Việt Nam), chủ yếu do Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh nộp ngân sách lợi nhuận sau thuế còn lại năm 2017 sau khi trích lập các quỹ là 400 tỷ đồng.

1.2. Về chi ngân sách

Tổ chức điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định; trong đó, có một số khoản chi đạt trên 50% dự toán như:

- Chi đảm bảo xã hội đạt 67,6% dự toán, tăng 8,8% cùng kỳ, chủ yếu do chi hỗ trợ tiền Tết Mậu Tuất năm 2018 phát sinh vào đầu năm;

- Chi quốc phòng - an ninh đạt 51,5% dự toán, tăng 9,1% cùng kỳ;

- Chi quản lý hành chính đạt 50% dự toán, tăng 11,8% cùng kỳ.

2. Khó khăn, hạn chế

2.1. Về thu ngân sách

Mặc dù thu NSNN đạt khá so với tiến độ dự toán nhưng vẫn còn 07/17 khoản thu chưa đạt tiến độ (dưới 50% dự toán), cụ thể như:

- Thu từ DNNN Trung ương đạt 40,8% dự toán, giảm 3,3% cùng kỳ; nguyên nhân chủ yếu do một số doanh nghiệp có số nộp ngân sách giảm như: Công ty Cổ

phần khoáng sản Fico Tây Ninh; Công ty Cổ phần Xi măng Fico Tây Ninh; Công ty Điện lực Tây Ninh và một số doanh nghiệp thuộc các ngành viễn thông, ngân hàng, bảo hiểm.

- Thu từ DNNN địa phương đạt 31,9% dự toán, giảm 23,1% cùng kỳ; nguyên nhân chủ yếu do một số doanh nghiệp nộp ngân sách giảm như: Công ty TNHH MTV Thanh Niên Xung Phong; Công ty CP cao su Nước Trong; Công ty CP Cao su 1-5;

- Thu từ DN có vốn ĐTNN đạt 45,6% dự toán, tăng 3,3% cùng kỳ. Tuy chưa đạt 50% dự toán nhưng khoản thu này tăng so với cùng kỳ. Nguyên nhân tăng so với cùng kỳ chủ yếu do một số doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả nên nộp số thuế tăng như: Công ty TNHH Hansae TN; Công ty TNHH Tapioca; Công ty Jin Won VN; Công ty Pou Hung VN; Công ty TNHH Công nghiệp Thông gió Kruger;

- Lệ phí trước bạ đạt 47,6% dự toán, tăng 43,9% cùng kỳ;

- Thuế bảo vệ môi trường đạt 47,2% dự toán, tăng 15,4% cùng kỳ;

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 35,5% dự toán, giảm 64% cùng kỳ;

- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 40% dự toán, giảm 38,1% cùng kỳ; chủ yếu do đầu năm lượng hàng hóa nhập khẩu (hàng nhập khẩu có thuế) phục vụ hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn giảm.

2.2. Về chi ngân sách

Một số khoản chi đạt thấp so với dự toán:

- Chi đầu tư phát triển đạt 46,7% dự toán, tăng 67,9% cùng kỳ, tỷ lệ giải ngân tuy có thấp so tiến độ dự toán nhưng nhìn chung có tích cực hơn nhiều so với cùng kỳ; nguyên nhân thấp chủ yếu là do công tác triển khai thực hiện của một số dự án trong những tháng đầu năm còn chậm nên khối lượng thực hiện chưa nhiều.

- Chi hoạt động thường xuyên đạt 44,4% dự toán, tăng 7,8% cùng kỳ; trong đó: sự nghiệp kinh tế đạt 38,8% dự toán, giảm 1,7% cùng kỳ; sự nghiệp môi trường đạt 32,2% dự toán, tăng 61,4% cùng kỳ; sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề đạt 41,6% dự toán, tăng 6,1% cùng kỳ; sự nghiệp y tế đạt 43,9% dự toán, tăng 11,3% cùng kỳ;...

Một số lĩnh vực chi đạt rất thấp so với dự toán như: sự nghiệp phát thanh truyền hình đạt 23,5% dự toán, giảm 4,4% so cùng kỳ; sự nghiệp thể dục thể thao đạt 25,6% dự toán, giảm 30,1% so cùng kỳ; sự nghiệp khoa học và công nghệ đạt 28% dự toán, tăng 86,8% so cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là do chưa giải ngân được kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng (*Ủy ban nhân dân tỉnh đang dự thảo và lấy ý kiến góp ý để ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng cho các cơ quan, tổ*

chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo quy định, dự kiến ban hành trong quý III năm 2018).

- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ đạt 43% dự toán, trong đó:

+ Chi chương trình mục tiêu quốc gia đạt 31,7% dự toán, nguyên nhân đạt thấp chủ yếu do những tháng đầu năm, các đơn vị tỉnh và các huyện, thành phố lập dự toán chi sự nghiệp và danh mục dự án đầu tư gửi cơ quan quản lý, tổng hợp chương trình còn chậm;

+ Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ đạt 43% dự toán, trong đó:

. Chi đầu tư phát triển đạt 42,5% dự toán, trong đó, tỷ lệ giải ngân các dự án thuộc nguồn vốn trong nước và nước ngoài đạt cao, vượt tiến độ so dự toán. Riêng việc giải ngân từ nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ (cho dự án Tưới tiêu cho khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông tỉnh Tây Ninh) còn chậm, chỉ đạt 11,2% so dự toán nên làm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân chung đối với chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương bổ sung; nguyên nhân giải ngân thấp là do những tháng đầu năm chủ đầu tư thực hiện các thủ tục chuẩn bị thực hiện dự án, tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán, lựa chọn nhà thầu nên khối lượng thực hiện dự án thấp và tỷ lệ giải ngân không cao. Trong các tháng tiếp theo sẽ tích cực thực hiện để đảm bảo giải ngân đạt kế hoạch.

. Chi thường xuyên đạt 52,2% dự toán, đạt khá do các đơn vị dự toán có tích cực triển khai và đảm bảo tiến độ giải ngân.

(Chi tiết theo biểu số 59/CK-NSNN, 60/CK-NSNN và 61/CK-NSNN).

Trên đây là báo cáo công khai tình hình ước thực hiện dự toán NSDP 6 tháng đầu năm năm 2018./.

Nơi nhận: *lg*

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐVP; KT1;
- Công thông tin điện tử tỉnh TN;
- Công thông tin điện tử STC TN;
- Lưu: VT. VP UBND tỉnh.

(Dương Thảo 2018 17. Báo cáo)

10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



lg
Dương Văn Thắng

CÂN ĐÓNG AN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 2/13 BC-UBND ngày 13/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỲ
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	6,907,000	3,792,500	54.9%	105.5%
1	Thu nội địa	6,307,000	3,552,500	56.3%	110.7%
2	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	600,000	240,000	40.0%	61.9%
B	TỔNG THU NSDP	8,451,700	5,180,088	61.3%	115.6%
1	Thu NSDP được hưởng (thu 100% và điều tiết)	5,854,500	3,284,127	56.1%	107.7%
2	Thu bổ sung từ NSTW	2,585,158	1,224,199	47.4%	166.0%
	- Bổ sung cân đối	1,329,731	660,000	49.6%	100.0%
	- Bổ sung có mục tiêu	1,163,872	524,199	45.0%	1400.8%
	- Bổ sung CTMTQG	91,555	40,000	43.7%	100.0%
3	Thu chuyển nguồn	12,042	671,762	5578.5%	97.0%
B	TỔNG CHI NSDP	8,445,500	3,745,972	44.4%	127.4%
I	Chi cân đối NSDP	7,190,073	3,136,730	43.6%	121.0%
1	Chi đầu tư phát triển	2,177,090	1,008,634	46.3%	152.6%
2	Chi thường xuyên	4,793,507	2,127,144	44.4%	113.8%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	400	952	238.0%	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1,000		0.0%	
5	Dự phòng ngân sách	168,000		0.0%	
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	50,076		0.0%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1,255,427	540,000	43.0%	
III	Chi tạm ứng		69,242		
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	6,200			
D	CHI TRẢ NỢ GỐC		7,274		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 06 THÁNG NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số: 2/13/BC-UBND ngày 13/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG NĂM 2018	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỲ
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)	6,907,000	3,792,500	54.9%	105.5%
I	Thu nội địa	6,307,000	3,552,500	56.3%	110.7%
1	Thu từ Doanh nghiệp nhà nước	660,000	254,903	38.6%	92.0%
1.1	Thu từ DNNN trung ương	500,000	203,864	40.8%	96.7%
1.2	Thu từ DNNN địa phương	160,000	51,039	31.9%	76.9%
2	Thu từ DN có vốn ĐTNN	490,000	223,262	45.6%	103.3%
3	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1,233,000	698,948	56.7%	138.8%
4	Lệ phí trước bạ	290,000	138,056	47.6%	143.9%
6	Thuế thu nhập cá nhân	610,000	330,857	54.2%	119.5%
7	Thuế bảo vệ môi trường	500,000	235,889	47.2%	115.4%
8	Thu phí, lệ phí	400,000	204,921	51.2%	98.2%
9	Các khoản thu về nhà, đất	407,000	301,833	74.2%	120.1%
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	7,000	4,914	70.2%	143.4%
	Thu tiền sử dụng đất	200,000	153,206	76.6%	146.3%
	Thu tiền thuê đất	200,000	143,714	71.9%	100.4%
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	30,000	10,648	35.5%	36.0%
11	Thu khác ngân sách	210,000	114,260	54.4%	124.0%
12	Các khoản thu tại xã	20,000	12,107	60.5%	115.8%
13	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	7,000	7,514	107.3%	141.2%
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1,450,000	1,019,302	70.3%	98.2%
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	600,000	240,000	40.0%	61.9%
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG 100% và điều tiết	5,854,500	3,284,127	56.1%	107.7%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 13/BC-UBND ngày 13/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSĐP	8,445,500	3,684,004	43.6%	141.6%
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	7,190,073	3,144,004	43.7%	121.9%
I	Chi đầu tư phát triển	2,177,090	1,015,908	46.7%	167.9%
1	Chi đầu tư cho các dự án	2,137,090	1,005,334	47.0%	168.7%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	40,000	10,574	26.4%	114.6%
III	Chi thường xuyên	4,793,507	2,127,144	44.4%	107.8%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2,006,704	834,178	41.6%	106.1%
2	Chi khoa học và công nghệ	31,000	8,681	28.0%	186.8%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	399,426	175,476	43.9%	111.3%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	83,484	34,814	41.7%	138.5%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	30,750	7,217	23.5%	78.6%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	32,900	8,424	25.6%	69.9%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	99,500	32,025	32.2%	161.4%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	649,990	252,044	38.8%	98.3%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	882,637	441,234	50.0%	111.8%
10	Chi bảo đảm xã hội	237,208	160,393	67.6%	108.8%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	400	952	238.0%	77.8%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1,000		0.0%	
V	Dự phòng ngân sách	168,000		0.0%	
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	50,076		0.0%	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSĐP	1,255,427	540,000	43.0%	2521.0%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	91,555	29,044	31.7%	498.7%
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1,000,333	425,554	42.5%	7455.3%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	163,539	85,402	52.2%	863.6%